

**CÔNG TY TNHH DGA VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DGA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110040598

**3. Ngày thành lập:** 23/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 28 Phạm Hồng Thái, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0866127104

Fax:

Email: duongtony0196@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4620        |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4631        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4632        |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4633        |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4641(Chính) |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu ( trừ bán buôn dược phẩm) | 4649        |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4669        |
| 9.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8292        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>– Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>– Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8299        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hàng hóa bị cấm theo quy định)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690 |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4711 |
| 13. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa<br>hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                                                                                                                                                                                                                | 4719 |
| 14. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4721 |
| 15. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4722 |
| 16. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4723 |
| 17. | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1311 |
| 18. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1312 |
| 19. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1313 |
| 20. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác<br>Chi tiết: - Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len như: +<br>Vải nhung và vải bông, + Lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải đan<br>trên máy Raschel và các máy tương tự, + Các loại vải bằng đan<br>móc khác; - Sản xuất sản phẩm giả da lông thú từ việc may<br>đan. - Thêu gia công trên vải, thêu các sản phẩm may mặc<br>khác (trừ thêu trang phục). | 1391 |
| 21. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1392 |
| 22. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1393 |
| 23. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4912 |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải<br>hàng bằng ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 25. | Vận tải đường ống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4940 |
| 26. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5022 |
| 27. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5210 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5221 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5222 |
| 30. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Không bao gồm bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5224 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5225 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Logistic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5229 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI VĂN DƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/01/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036096014268

Ngày cấp: 02/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: TDP Đông Bắc, Thị trấn Ninh Cường, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 93 Nghĩa Dũng, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội